

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 46/2004/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2004

THÔNG TƯ

Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính Dự án Đa dạng hoá thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Hiệp định vay vốn số 578-VN giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Quỹ phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) ký ngày 18/2/2002 cho dự án “Đa dạng hoá thu nhập nông thôn (RIDP) tỉnh Tuyên Quang”;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 4/5/2001 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý và Sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/07/1999 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý Đầu tư và Xây dựng; Nghị định số 12/2001/NĐ-CP ngày 5/5/2000 bổ sung một số điều của Nghị định số 52/1999/NĐ-CP; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/07/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/05/2000;

Căn cứ Công văn số 1073/CP-QHQT ngày 13/11/2001 của Chính phủ thông báo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án Đa dạng hoá thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Thông tư số 44/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư từ nguồn Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 49/2001/TT-BTC ngày 26/6/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc xã, thị trấn quản lý;

Sau khi thống nhất với Ủy ban nhân dân Tỉnh Tuyên Quang, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính cho Dự án “Đa dạng hoá thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang” như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG:

Phần I.1: Đối tượng áp dụng

Thông tư này được áp dụng đối với các hợp phần của Dự án Đa dạng hoá thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang được ngân sách nhà nước cấp phát kinh phí.

Phần I.2: Giải thích từ ngữ

Các khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong thông tư này có cùng ý nghĩa như trong Hiệp định vay vốn và được hiểu như sau:

1. Dự án: là Dự án Đa dạng hoá thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang.
2. Hiệp định: là Hiệp định vay vốn cho Dự án ký giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt nam và Quỹ Phát triển nông nghiệp Quốc tế ngày 18/2/2002.
3. IFAD: là Quỹ Phát triển nông nghiệp Quốc tế - nhà tài trợ nước ngoài cho dự án.
4. SIDA: là Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Điển, nhà đồng tài trợ nước ngoài cho dự án.
5. UNOPS: là Văn phòng Dịch vụ Dự án của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc: cơ quan thay mặt IFAD thực hiện việc giải ngân cho Dự án.
6. Chủ Dự án: là UBND Tỉnh Tuyên Quang. Để triển khai dự án và phối hợp hoạt động trong Dự án, chủ dự án thành lập Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh, Ban Phối hợp thực thi dự án huyện, và các Ban Phát triển xã.
7. Ban Phối hợp thực thi Dự án Tỉnh (BPHTTDA tỉnh): là đơn vị được thành lập theo quyết định của chủ dự án, có trách nhiệm thực hiện công việc thực thi hàng ngày của dự án và quản lý vốn vay.
8. Ban Phối hợp thực thi Dự án Huyện (BPHTTDA huyện) là đơn vị được thành lập theo quyết định của UBND huyện thực thi dự án; có trách nhiệm quyền hạn quy định

trong quyết định thành lập.

9. Ban Phát triển xã (Ban PTX): là các đơn vị được thành lập theo quyết định của UBND xã thực thi dự án; có trách nhiệm quyền hạn quy định trong quyết định thành lập.

10. Các đơn vị thực thi dự án: là các đơn vị tuyến tỉnh và huyện của các cơ quan nhà nước sẽ trực tiếp tổ chức thực hiện các hợp phần và tiểu hợp phần của Dự án.

11. Ngân hàng Phục vụ Dự án: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

12. Tiểu dự án: Bao gồm các hoạt động xây dựng, mua sắm qui mô nhỏ tại các thôn bản; do người dân kiến nghị nhằm cải thiện cơ sở vật chất cấp bách, nâng cao đời sống kinh tế xã hội, điều kiện sản xuất cho hộ gia đình nghèo nhất trong thôn bản.

Phần I. 3. Nguyên tắc quản lý

1. Dự án được tài trợ bằng các nguồn vốn sau: Vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ Ngân sách tỉnh Tuyên Quang từ nguồn vốn Chính phủ vay IFAD và vốn viện trợ không hoàn lại của SIDA, vốn đối ứng từ nguồn Ngân sách tỉnh Tuyên Quang, và vốn đóng góp của người hưởng lợi.

2. Khoản vay từ IFAD và khoản vốn SIDA viện trợ để tài trợ cho dự án được Chính phủ quản lý theo những điều khoản được quy định tại các Hiệp định vay và Hiệp định viện trợ, và phù hợp với những quy định hiện hành của Chính phủ.

3. Toàn bộ vốn vay IFAD và vốn viện trợ của SIDA để đầu tư cho dự án là nguồn vốn của ngân sách nhà nước, phải được phản ánh đầy đủ vào ngân sách nhà nước.

4. UBND Tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm quản lý các nguồn vốn đầu tư cho Dự án có hiệu quả, đúng mục đích, phù hợp với các quy định tại Hiệp định và các quy định hiện hành của Chính phủ.

5. Dự án mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước để giao dịch. Hệ thống Kho bạc Nhà nước nơi Dự án mở tài khoản thực hiện công tác kiểm soát chi trực tiếp đối với Dự án thông qua kiểm tra, xác nhận khối lượng thực hiện, chuyển vốn tạm ứng và thanh toán trực tiếp cho các hoạt động đủ điều kiện của Dự án, theo quy định hiện hành.

6. Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh chịu trách nhiệm về quản lý toàn bộ vốn vay IFAD, vốn viện trợ của SIDA, và vốn đối ứng ngân sách tỉnh Tuyên Quang, đảm bảo tài trợ đúng mục tiêu cho các hoạt động của dự án, phù hợp với các quy định quản lý tài chính hiện hành.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Phần II.1. Các tài khoản thuộc dự án:

1. Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) mở một Tài khoản Đặc biệt bằng Đô la Mỹ (USD) tại Ngân hàng Phục vụ Dự án để tiếp nhận vốn do IFAD giải ngân.
2. Kho bạc nhà nước tỉnh Tuyên Quang mở một tài khoản nguồn vốn cấp 1 bằng Đồng Việt nam (VND) cho dự án, chi tiết đến các tiểu khoản để tiếp nhận vốn IFAD do Bộ Tài chính chuyển về và vốn đối ứng Ngân sách Tỉnh cấp cho Dự án.
3. Các Ban Phát triển xã mở tài khoản nguồn vốn cấp 2 bằng VND tại Kho bạc nhà nước huyện để tiếp nhận vốn IFAD do Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh chuyển về. Tài khoản của Ban Phát triển xã tại Kho bạc nhà nước huyện gồm 2 tiểu khoản: một tiểu khoản cho các hoạt động thuộc Quỹ cải thiện đời sống phụ nữ, và một tiểu khoản cho các hoạt động khác.
4. Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh, các Ban Phối hợp thực thi dự án huyện và Ban Phát triển xã mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh và huyện để thực hiện các giao dịch thanh toán.

Phần II.2: Lập kế hoạch tài chính cho dự án

1. Hàng năm Ban Phát triển xã lập kế hoạch công tác và ngân sách gửi Ban Phối hợp thực thi dự án huyện theo đúng trình tự lập, trình, và xét duyệt dự toán ngân sách nhà nước. Kế hoạch này được xây dựng chi tiết theo quý, nguồn vốn, và hoạt động, căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã, các hoạt động ưu tiên do thôn bản xác định, định mức chi tiêu và phù hợp với các văn kiện liên quan của dự án.
2. Ban Phối hợp thực thi dự án huyện xem xét, tổng hợp Kế hoạch công tác và ngân sách năm của tuyến xã thành Kế hoạch công tác và ngân sách năm của tuyến huyện, gửi Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh. Kế hoạch công tác và ngân sách năm

này được xây dựng chi tiết theo quý, theo nguồn vốn, hoạt động, phù hợp với hệ thống định mức áp dụng và văn kiện liên quan của Dự án.

3. Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh xem xét, tổng hợp toàn bộ Kế hoạch công tác và ngân sách năm của tỉnh, trình Ban Chỉ đạo dự án tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, và UNOPS vào tháng 9 hàng năm, để các cơ quan này xem xét, có ý kiến.

4. Sau khi nhận được ý kiến các cơ quan trên, Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch, trình UBND tỉnh để tổng hợp vào dự toán ngân sách năm của tỉnh.

5. Việc lập, bảo vệ, phê duyệt và thông báo dự toán ngân sách tỉnh theo trình tự thủ tục lập dự toán ngân sách hàng năm.

6. Kế hoạch công tác và ngân sách năm sau khi được UBND tỉnh, IFAD/UNOPS phê duyệt sẽ gửi cho Bộ Tài chính, Sở tài chính, Kho bạc nhà nước nơi cấp vốn cho dự án để theo dõi, cấp vốn cho các hoạt động của dự án.

Phần II.3: Định mức chi tiêu

1. Đối với các định mức chi tiêu hành chính, áp dụng các định mức quy định tại Quyết định số 112/2001/QĐ-BTC ngày 9/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án có sử dụng nguồn vốn ODA vay nợ, hoặc định mức do UBND tỉnh ban hành cho dự án phù hợp với quy định tại Quyết định số 112/2001/QĐ-BTC.

2. Đối với các định mức kinh tế, kỹ thuật, áp dụng các định mức theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Trường hợp chưa có định mức, đơn giá, Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh trình UBND tỉnh ban hành để áp dụng tạm thời cho Dự án, trên cơ sở có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính.

Phần II.4: Rút vốn IFAD về Tài khoản đặc biệt và các tài khoản nguồn vốn của dự án

1. Rút vốn IFAD về Tài khoản đặc biệt:

1.1 Việc rút vốn từ IFAD về Tài khoản đặc biệt sẽ do Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) thực hiện.